

Số: 258/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 03 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **608/2023**/TLST-HNGĐ ngày **17** tháng **10** năm **2023** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trịnh Quốc H**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Số A, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Bà **Lê Thị Hải A**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày **25** tháng **4** năm **2024** như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban Nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 16 (mười sáu) năm, mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, sống ly thân từ tháng 6/2022, nay cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** có 03 (ba) con chung là: **Trịnh Khánh L**, sinh ngày 26/11/2005 (Giới tính: Nữ) - Đã trưởng thành; **Trịnh Xuân M**, sinh ngày 13/02/2007 (Giới tính: Nữ) và **Trịnh Lê Quốc D**, sinh ngày 21/12/2014 (Giới tính: Nam).

Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** đã thống nhất sau khi ly hôn, bà **A** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là **Trịnh Xuân M** và **Trịnh Lê Quốc D**, ông **H** cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (5.000.000 đồng/01 trẻ/tháng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Trịnh Quốc H** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông **H** phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông **Trịnh Quốc H** có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** cùng xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** cùng xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005, quyển số 01 đăng ký ngày 20/12/2005 tại Ủy ban Nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** có 03 (ba) con chung là: **Trịnh Khánh L**, sinh ngày 26/11/2005 (Giới tính: Nữ) - Đã trưởng thành; **Trịnh Xuân M**, sinh ngày 13/02/2007 (Giới tính: Nữ) và **Trịnh Lê Quốc D**, sinh ngày 21/12/2014 (Giới tính: Nam).

Sau khi ly hôn, bà **Lê Thị Hải A** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung **Trịnh Xuân M** và **Trịnh Lê Quốc D**, ông **Trịnh Quốc H** cấp dưỡng nuôi con chung cho hai trẻ mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (5.000.000 đồng/01 trẻ/tháng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Trịnh Quốc H** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông **H** phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông **Trịnh Quốc H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự: Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** phải nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037363 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Trịnh Quốc H** và bà **Lê Thị Hải A** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Dương sự;
- Lưu HS, VT (TK Đức).⁽¹²⁾

THẨM PHÁN

(Đã ký)
Lê Thị Phơ